

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 02/2019/HS-ST  
Ngày 07/ 01/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Viết Chấn.
2. Bà Trịnh Thị Oanh.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nông Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: S; Sinh năm: 1998; Tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Êđê; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Y, sinh năm 1977 và con bà B1, sinh năm 1973. Gia đình bị cáo có 05 anh em ruột, bị cáo là con thứ 02; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/10/2018 (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo S: Bà Hoàng Thị Thủy - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

**\* Người bị hại:**

- 1/ Ông A; sinh năm 1976 (Có mặt).
- 2/ Bà B, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B, ông A: Luật sư Lê Thị Gấm - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- 1/ Ông Y, sinh năm 1977 (Vắng mặt).
- 2/ Bà B1, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

\*Người làm chứng: Anh A1; sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 10/8/2018, S trú tại: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngồi uống rượu cùng anh H tại nhà bà B trú cùng buôn. Trong lúc uống rượu S đi xuống bếp hút thuốc thì thấy một ví thỏ cầm của bà B để ở bậc thang cạnh cửa bếp. S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ví nên đã lấy bỏ vào túi quần rồi bỏ về, về nhà S lấy ví ra kiểm tra thấy bên trong có 5.400.000 đồng. S bỏ toàn bộ số tiền vào túi quần rồi đi chơi, sử dụng cá nhân. Khoảng 18 giờ 30 phút bà B phát hiện mất ví tiền và nghi ngờ S lấy trộm nên báo cho anh A Phim (là công an viên Buôn Hằng 1C, xã Ea Uy). Đến 19 giờ cùng ngày thì S đang ngồi chơi game ở quán Internet của ông H1 ở Buôn H1, xã E, anh A1 vào kiểm tra trong túi quần của S thấy có 4.000.000đ. S khai nhận số tiền đó lấy của bà B, và đã sử dụng hết số tiền 1.400.000đ. Sau đó lợi dụng sự sơ hở của anh A1, S chạy trốn.

Tại bản kết luận giám định số 821/PC09 ngày 23/9/2018 của phòng PC 09 Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: 10 tờ bạc Việt Nam gửi đến giám định (gồm 07 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng) là do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành (tiền thật) (BL 36).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐG ngày 24/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Krông Pắc kết luận: 01 ví thỏ cầm được làm từ chất liệu vải, màu đỏ đen, kích thước 12cm x 20cm (đã qua sử dụng) có giá trị 20.000 đồng (BL 39).

Cáo trạng số: 05/CT-VKS-HS ngày 17 tháng 12 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo S khai: Trong lúc uống rượu S đi xuống nhà bà B để châm lửa hút thuốc thì thấy một ví thỏ cầm của bà B để ở bậc thang cạnh cửa bếp nên đã lấy bỏ vào túi quần rồi bỏ về, về nhà S lấy ví ra kiểm tra thấy bên trong có 5.400.000 đồng. S bỏ toàn bộ số tiền vào túi quần rồi đi chơi, sử dụng cá nhân hết 1.400.000đ. Đến 19 giờ cùng ngày thì S đang ngồi chơi game ở quán Internet của ông H1 ở buôn H, xã E, thì anh A1 vào kiểm tra trong túi quần của S thấy có 4.000.000đ. Bị cáo khai nhận số tiền đó lấy của bà B. Anh A1 đã thu giữ số tiền 4.000.000đ. Lợi dụng sự sơ hở của anh A1 bị cáo chạy trốn.

Đại diện VKSND huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật

hình sự, điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

**Các biện pháp tư pháp:**

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả lại số tiền 4.000.000đ và 01 ví thổ cẩm làm từ chất liệu vải đỏ đen kích thước 12 x 20 cm cho bà B.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà B 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà B và ông A không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Bào chữa cho bị cáo: Trợ giúp viên đồng tình với quan điểm Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc truy tố bị cáo S về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên theo Trợ giúp viên thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với bị cáo là hơi nghiêm khắc. Bởi: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo xuất thân từ tầng lớp lao động, trình độ học vấn thấp, hơn nữa bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc nhận biết pháp luật hạn chế, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản trộm cắp có giá trị không lớn và đã được trả lại đầy đủ cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt. Mặt khác bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 65. Cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Lê Thị Gấm đồng tình với quan điểm của vị đại Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc truy tố bị cáo S về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173. Theo Luật sư thì mặc dù hồ sơ thể hiện bị cáo phạm tội lần đầu, tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Pắc thì trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo có biểu hiện trộm cắp vặt, không có công ăn việc làm ổn định hay tụ tập nhậu nhẹt... Do vậy, đề nghị HĐXX cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc không đồng ý với đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo đề cho bị cáo hưởng án treo vì: Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ song bị cáo ngoài lần phạm tội này thì quá trình sinh sống ở địa phương bị cáo nghiện game có biểu hiện trộm cắp vặt, hay tụ tập nhậu nhẹt làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an. Hơn nữa khoảng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định mức hình phạt từ 6 tháng đến 3 năm tù. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị

xử phạt bị cáo với mức án từ 6 đến 9 tháng tù là phù hợp với hành vi của bị cáo. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ mức đề xuất hình phạt và không tranh luận gì thêm.

Bị cáo S không tranh luận lại với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Kết luận điều tra, Cáo trạng đã truy tố. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa khẳng định, bản cáo trạng số 05/CT-VKS-HS ngày 17/12/2018 của VKSND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo S là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị HĐXX áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Như vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 10/8/2018, S đã có hành vi lén lút lấy trộm của bà B trú tại: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk số tiền 5.400.000đ. Hành vi của bị cáo S đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

*1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”*

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo HĐXX cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật. Qua đó giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên do ý thức coi thường pháp luật bị cáo đã trộm cắp tài sản của gia đình bà B, ông A, hành vi phạm tội của bị cáo chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Mặt khác

trong quá trình điều tra chính quyền xã E cung cấp như sau: Bị cáo S là người lười lao động, nghiện game, thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt gây mất an ninh ở địa phương, có biểu hiện trộm cắp tài sản và thường xuyên bỏ đi khỏi địa phương. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, đã được thu hồi trả lại cho người bị hại một phần. Phần còn lại tuy gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nhưng sau khi phạm tội bị cáo đã vận động gia đình bồi thường số tiền còn lại là 2.000.000đ nhằm khắc phục thiệt hại cho người bị hại. Mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số, xuất thân từ người dân lao động, trình độ học vấn thấp nên việc nhận biết pháp luật có phần hạn chế. Tại phiên tòa hôm nay người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả lại số tiền 4.000.000đ và 01 ví thỏ cầm làm từ chất liệu vải đỏ đen kích thước 12 x 20 cm, cho bà B.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra S và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà B 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà B và ông A không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) mà ông Y và bà B1 đã tự nguyện bồi thường cho ông A, bà B thay cho bị cáo S. Tại phiên tòa hôm nay bà B1 không yêu cầu bị cáo S phải hoàn lại cho ông Y và bà B1, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Đại diện VKSND huyện Krông Pắc thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đối với bị cáo là phù hợp nên HĐXX xét thấy phù hợp nên cần được chấp nhận. Riêng đối với mức đề xuất về hình phạt đối với bị cáo có phần hơi nghiêm khắc đối với bị cáo nên HĐXX điều chỉnh lại cho phù hợp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo S 05 (năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/10/2018.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc trả lại số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) và 01 ví thổ cẩm làm từ chất liệu vải đỏ đen kích thước 12 x 20cm, cho bà B.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra gia đình đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà B 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà B và ông A không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Những người tham gia tố tụng;
- .....
- Lưu hồ sơ, VP

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Hiền**